

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

(*) Bao gồm 6 (sáu) tòa nhà tại Mỹ mà Công ty Quốc tế SSI đã mua với mục đích cho thuê. Tại ngày 31/12/2011, nguyên giá của các tòa nhà được ghi nhận là 13.769.423,66 USD, tương đương 282.497.013.600 đồng. Trong năm 2012, Công ty Quốc tế SSI đã điều chỉnh nguyên giá của các tòa nhà cho phù hợp với thực tế phát sinh; theo đó, nguyên giá mới là 13.824.781,70 USD, tương đương 283.612.736.520 đồng. Trong đó, giá trị đất là 2.544.423,18 USD, tương đương 52.065.180.034 đồng, và giá trị nhà là 11.280.358,52 USD, tương đương 231.547.556.486 đồng. Doanh thu từ hoạt động cho thuê tòa nhà trong sáu tháng đầu năm 2013 là 3.788.920.105 đồng.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	% sở hữu của Công ty %	% biểu quyết của Công ty %	Ngày 30 tháng 6 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Công ty CP Hùng Vương	20,00%	20,01%	463.494.817.675	446.226.979.256
Công ty CP Xuyên Thái Bình	20,00%	20,22%	109.043.578.518	66.343.313.982
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh XNK Bình Thạnh	25,55%	25,59%	81.465.930.227	80.423.308.230
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương	19,95%	20,00%	76.644.949.300	71.161.019.957
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	20,02%	20,07%	90.179.317.287	89.591.299.013
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	20,00%	20,02%	34.027.051.321	35.042.388.806
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	20,00%	20,00%	177.512.283.465	200.600.757.738
Công ty CP Transimex-Saigon	20,00%	20,00%	118.699.547.606	114.887.252.451
Công ty Cổ phần Bibica	20,00%	20,00%	94.846.154.231	-
Công ty CP Khử trùng Việt Nam	20,05%	20,07%	114.517.053.880	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thuỷ sản Bến Tre	-	-	-	112.184.115.815
			1.360.430.683.510	1.216.460.435.248

Tình hình biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

	Số tiền (VNĐ)
Số dư đầu kỳ	1.216.460.435.248
Mua trong kỳ	190.937.626.744
Thanh lý công ty liên kết trong kỳ	(110.498.486.642)
Lãi/(lỗ) từ công ty liên kết ghi nhận vào Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ	100.860.605.389
<i>Bất lợi thế thương mại phát sinh trong kỳ</i>	58.856.312.295
<i>Lợi thế thương mại đã phân bổ trong kỳ</i>	(29.773.847.189)
<i>Phần chia sẻ lãi/(lỗ) trong kỳ</i>	71.778.140.283
Cổ tức thực nhận	(37.297.722.900)
Vốn khác	(31.774.329)
Số dư cuối kỳ	1.360.430.683.510

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Chi phí tư vấn trả trước	3.135.580.172	6.898.276.376
Chi phí cải tạo văn phòng và công cụ dụng cụ	1.244.479.826	1.963.484.017
	4.380.059.998	8.861.760.393

15. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Tiền nộp ban đầu và bổ sung hàng năm	13.401.458.145	12.513.859.767
Tiền lãi phân bổ hàng năm	4.081.453.651	2.469.052.029
	17.482.911.796	14.982.911.796

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Vay ngắn hạn	-	90.000.000.000
Vay thấu chi ngân hàng	-	267.728.021.077
	-	357.728.021.077

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Ứng trước phí tư vấn của khách hàng	4.604.673.750	4.040.373.750
Ứng trước trước tiền mua chứng khoán của khách hàng	108.179.894.057	95.009.400.000
	112.784.567.807	99.049.773.750

Khoản ứng trước tiền mua chứng khoán của khách hàng dùng để mua cổ phiếu chưa niêm yết. Do chưa hoàn tất thủ tục sang tên vì vậy cổ phiếu này vẫn được ghi nhận trên danh mục đầu tư dài hạn của Công ty.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế Giá trị Gia tăng
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp
Thuế Thu nhập Cá nhân
Thuế khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2013 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VND
	134.752.930	5.269.593.349
	13.260.103.986	9.111.512.048
	4.026.134.346	3.489.079.612
	2.827.583.214	848.665.436
	20.248.574.476	18.718.850.445

Bảng tổng hợp tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước của Công ty và các công ty con cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 được trình bày dưới đây:

STT	Chi tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2013 VND
I	Thuế	18.253.884.197	78.421.110.563	76.426.420.284	20.248.574.476
1	Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	5.269.593.349	539.947.953	5.674.788.372	134.752.930
2	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-	-
3	Thuế nhập khẩu	-	-	-	-
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.646.545.800	51.589.097.743	46.975.539.557	13.260.103.986
5	Thuế nhà đất	-	-	-	-
6	Tiền thuế đất	4.337.745.048	26.292.064.867	23.776.092.355	6.853.717.560
7	Các loại thuế khác	3.079.650.025	9.070.189.348	10.854.668.173	1.295.171.200
	- Thuế thu nhập cá nhân	409.429.587	10.518.923.009	8.197.389.450	2.730.963.146
	- Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	-	12.000.000	12.000.000	-
	- Thuế môn bài	848.665.436	6.690.952.510	4.712.034.732	2.827.583.214
	- Thuế khác	-	-	-	-
II	Các khoản phải nộp khác	18.253.884.197	78.421.110.563	76.426.420.284	20.248.574.476

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Chi phí lãi vay phải trả	569.124	594.967.678
Chi phí phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	3.071.101.173	2.160.248.269
Phí phải trả cho Ngân hàng Lưu ký	22.750.000	23.350.000
Phải trả Công ty Tài chính Dầu khí	7.755.626	7.755.626
Chi phí lãi hợp đồng mua và bán lại chứng khoán, hợp tác kinh doanh phải trả	5.112.830.121	793.804.982
Phải trả hợp đồng đặt cọc trái phiếu	5.220.625.348	2.267.577.777
Phải trả chi phí đào tạo, hội thảo, tư vấn	1.050.000.000	425.000.000
Phí dịch vụ	1.148.658.000	881.658.000
Trích trước lương tháng 13 cho nhân viên	3.478.009.825	-
Phí hoa hồng phải trả cho đối tác	1.413.338.769	741.039.893
Các khoản khác	739.850.443	1.288.388.328
	21.265.488.429	9.183.790.553

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Phải trả hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán (*)	404.641.914.000	17.690.685.976
Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	48.914.282.437
Phải trả cho khách hàng nước ngoài	1.256.755.272	1.065.450.092
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư (**)	1.920.402.514.552	1.114.504.309.449
Phải trả tiền mua chứng khoán	-	-
Các khoản khác	5.024.666.681	7.613.375.153
	2.331.325.850.505	1.189.788.103.107

(*) Khoản phải trả theo các cam kết bán và mua lại chứng khoán là khoản tiền Công ty nhận được khi bán các chứng khoán theo thỏa thuận bán và cam kết mua lại với khách hàng. (Thuyết minh số 35.5).

(**) Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư bao gồm các khoản đặt cọc theo các hợp đồng môi giới mua chứng khoán. Công ty nhận tiền đặt cọc của khách hàng để thực hiện việc tìm mua chứng khoán theo yêu cầu của khách hàng. Trong trường hợp Công ty không tìm mua được chứng khoán trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty sẽ phải hoàn trả tiền cọc cho khách hàng kèm theo một khoản lãi suất theo thỏa thuận. Lãi suất áp dụng cho các hợp đồng này từ 3,2% đến 10%/năm.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Phải trả về thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	78.672.921.000	238.080.145.000
Phải trả Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh	3.579.914.687	1.424.024.800
Phải trả người đầu tư về giao dịch chứng khoán	823.248.173.798	672.221.482.487
- Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại trụ sở chính	484.647.864.167	430.170.380.600
- Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại Chi nhánh Hà Nội	100.362.539.634	144.166.669.044
- Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư của các chi nhánh và phòng giao dịch khác	238.237.769.997	97.884.432.843
	905.501.009.485	911.725.652.287

22. PHẢI TRẢ CỔ TỨC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	Ngày 30 tháng 6 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	3.389.247.029	521.820.784
Phải trả cổ tức cho cổ đông và lãi trái phiếu SSI	354.692.777.066	3.953.103.066
	358.082.024.095	4.474.923.850

23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Ngày 30 tháng 6 năm 2013 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ
Số dư đầu kỳ	75.065.576.088	90.064.800.637
Trích lập quỹ trong kỳ	28.857.962.690	-
Sử dụng trong kỳ	(13.415.732.080)	(14.999.224.549)
Số dư cuối kỳ	90.507.806.698	75.065.576.088

Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi sử dụng chủ yếu cho mục đích thưởng và trả thù lao cho Ban Điều hành và nhân viên. Ngoài ra, Quỹ được sử dụng cho các mục đích phúc lợi khác.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

B09a-CTCK

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	3.526.117.420.000	340.921.476.378	(2.605.677.770)	(89.246.186.000)	289.383.181.436	1.127.002.833.821	5.191.573.047.865
Tăng vốn	11.832.000.000	4.022.880.000	-	-	-	-	15.854.880.000
Trích quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	-	-	-	-	46.429.937.816	(46.429.937.816)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	(28.857.962.690)	(28.857.962.690)
Cổ tức phải trả cổ đông năm 2012	-	-	-	-	-	(350.748.034.000)	(350.748.034.000)
Điều chỉnh thuế TNDN theo quyết toán thuế năm 2012	-	-	-	-	-	(932.032.304)	(932.032.304)
Chênh lệch phát sinh do công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ	-	-	(114.123.048)	-	-	-	(114.123.048)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(131.760)	-	-	(131.760)
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	-	256.256.165.963	256.256.165.963
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	3.537.949.420.000	344.944.356.378	(2.719.800.818)	(89.246.317.760)	335.813.119.252	956.291.032.974	5.083.031.810.026

Ngày 28 tháng 01 năm 2013, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 1.183.200 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2011 và Nghị quyết số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2012 của Đại hội đồng Cổ đông. Theo đó, Vốn đầu tư của chủ sở hữu và Thặng dư vốn cổ phần trong kỳ tăng lên tương ứng là 11.832.000.000 đồng và 4.022.880.000 đồng. Công ty đã nhận được Quyết định chấp thuận tăng vốn điều lệ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 01 tháng 3 năm 2013 ghi nhận mức vốn điều lệ mới là 3.537.949.420.000 đồng và đã cập nhật Điều lệ với số vốn mới.

Trong kỳ, Công ty đã mua tám (08) cổ phiếu SSI lô lẻ theo yêu cầu của nhà đầu tư.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

B09a-CTCK

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quý dự trữ pháp định và dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	3.526.117.420.000	340.921.476.378	383.614.879	(88.591.286.000)	289.383.181.436	1.012.450.891.924	5.080.665.298.616
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp theo quyết toán thuế năm 2010	-	-	-	-	-	(182.594.264)	(182.594.264)
Trích cổ tức theo Nghị Quyết số 01/2012/NQ- ĐHĐCĐ ngày 20/4/2012	-	-	-	-	-	(349.564.842.000)	(349.564.842.000)
Khoản chênh lệch phát sinh do công ty liên kết mua bán cổ phiếu quỹ	-	-	1.849.969.383	-	-	-	1.849.969.383
Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2012	-	-	-	-	-	254.492.683.453	254.492.683.453
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(654.900.000)	-	-	(654.900.000)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	3.526.117.420.000	340.921.476.378	2.233.584.262	(89.246.186.000)	289.383.181.436	917.196.139.113	4.986.605.615.189

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn mua lại 3.000.000 Cổ phiếu SSI làm cổ phiếu quỹ theo Công văn số 2235/2010/SGDHCM-NY ngày 01 tháng 12 năm 2010 và theo công văn số 434/2012/SGDHCM-NY ngày 14 tháng 3 năm 2012 cho phép Công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty và sửa lỗi giao dịch tổng cộng là 46.900 cổ phiếu. Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2012 tổng cộng số lượng cổ phiếu quỹ là 3.046.900 cổ phiếu.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Ghi chú
1 - Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành	Không có
2 - Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	Không có
3 - Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	Không có

24.3 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	353.794.942	352.611.742
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	353.794.942	352.611.742
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	353.794.942	352.611.742
- Cổ phiếu phổ thông	353.794.942	352.611.742
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	(3.046.908)	(3.046.900)
Cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ	(3.046.908)	(3.046.900)
- Cổ phiếu phổ thông	(3.046.908)	(3.046.900)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ do công ty con của Công ty nắm giữ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	350.748.034	349.564.842
- Cổ phiếu phổ thông	350.748.034	349.564.842
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. DOANH THU

	<i>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i> VND	<i>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i> VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	345.359.437.176	395.244.424.700
Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	69.613.510.678	65.261.044.905
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	76.023.718.258	110.887.898.096
- Cổ tức	16.241.799.500	44.391.274.880
- Trái tức	34.119.224.656	35.069.263.922
- Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu	13.495.907.301	11.467.397.965
- Doanh thu tự doanh từ ủy thác danh mục tại SSIAM	9.469.266.801	19.466.255.218
- Doanh thu hoạt động đầu tư khác	2.697.520.000	493.706.111
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	4.512.439	5.061.000
Doanh thu quản lý DM đầu tư cho người UTĐT	951.594.699	11.025.497.762
Doanh thu hoạt động tư vấn	7.737.219.148	15.693.987.854
Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	2.764.859.691	2.480.492.326
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	4.147.077.263	6.477.883.526
Doanh thu khác	184.116.945.000	183.412.559.231
- Thu lãi tiền gửi	151.436.869.923	152.638.185.976
- Doanh thu hoạt động dịch vụ tài chính	30.490.233.065	29.209.884.366
- Doanh thu khác	2.189.842.012	1.564.488.889
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	345.359.437.176	395.244.424.700

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i> VND	<i>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i> VND
Chi phí môi giới, lưu ký chứng khoán	18.229.569.606	16.205.119.698
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	19.316.640.606	93.380.876.321
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng hoạt động kinh doanh chứng khoán	(59.286.342.006)	(83.520.259.770)
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	76.451.225.137	57.690.529.327
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư tài chính, tư vấn khác	-	313.050.000
Chi phí trực tiếp khác về kinh doanh chứng khoán	120.540.336.762	119.671.016.571
- Chi phí nhân viên	66.125.922.658	58.703.930.243
- Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	1.117.625.815	1.314.330.513
- Chi phí khấu hao và phân bổ	13.486.025.927	19.402.611.702
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.530.247.514	25.531.808.752
- Chi phí thuê văn phòng	13.287.770.392	13.628.061.229
- Chi phí khác	992.744.456	1.090.274.132
	175.251.430.105	203.740.332.147

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.229.066.075	4.416.257.834
Chi phí khấu hao và phân bổ	167.212.500	167.212.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	267.000.000	364.721.200
	5.663.278.575	4.948.191.534

28. THU NHẬP KHÁC, CHI PHÍ KHÁC

	<i>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>
	VND	VND
Thu nhập khác		
Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	918.181.818	1.665.760.606
Thu nhập từ lãi phạt thực hiện hợp đồng (*)	30.444.388.889	3.146.129.788
Thu nhập khác	1.645.180.812	92.742.821
	33.007.751.519	4.904.633.215
Chi phí khác		
Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	(39.127.694)	(649.797.995)
Chi phí khác	(27.045.617)	(7.796.669)
	(66.173.311)	(657.594.664)
	32.941.578.208	4.247.038.551

(*) Đây là khoản thu nhập từ lãi phạt thực hiện hợp đồng môi giới mua gom trái phiếu. Theo hợp đồng này, Công ty sẽ đặt cọc cho khách hàng một số tiền để khách hàng mua trái phiếu theo yêu cầu của Công ty. Trong trường hợp không mua được trái phiếu, khách hàng sẽ phải hoàn trả lại tiền đặt cọc kèm theo một khoản phạt do không thực hiện được hợp đồng. Xem thêm tại Thuyết minh số 7 – Các khoản phải thu ngắn hạn.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty và các công ty con là 25% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, được kê khai và quyết toán thuế riêng biệt. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

29.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 30 tháng 6 năm 2012 được trình bày dưới đây:

	<i>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 VND</i>	<i>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 VND</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	298.246.912.093	263.031.606.133
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán	(102.765.303.942)	24.637.739.297
Các khoản điều chỉnh tăng	210.972.247.411	291.016.880.691
- Chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết kỳ này	190.182.297.879	169.231.728.240
- Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư vào công ty liên kết cho mục đích hợp nhất	20.789.949.532	121.785.152.451
Các khoản điều chỉnh giảm	(313.737.551.353)	(266.379.141.394)
- Lỗ năm trước chuyển sang	-	(90.322.087.228)
- Lợi nhuận trước thuế từ công ty con	(4.578.446.715)	(15.086.848.077)
- Lợi nhuận từ công ty liên kết (*)	(100.860.605.389)	(72.228.666.563)
- Cổ tức không chịu thuế	(16.127.668.501)	(43.716.274.880)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết kỳ trước	(177.751.666.748)	(45.025.264.646)
- Hủy lỗ do thanh lý cổ phiếu công ty liên kết trên báo cáo tài chính riêng	(2.419.164.000)	-
- Dự phòng phải thu khó đòi – Trái phiếu Vinashin	(12.000.000.000)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	195.481.608.151	287.669.345.430
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành của Công ty mẹ	48.870.402.038	71.917.336.362
Thuế TNDN phải trả của công ty con	1.786.663.401	3.871.706.465
Chi phí thuế TNDN hiện hành	50.657.065.439	75.789.042.827
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	8.646.545.800	(3.347.725.304)
Điều chỉnh tăng thuế TNDN theo quyết toán thuế	932.032.304	182.594.264
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(46.975.539.557)	(31.995.250.810)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	13.260.103.986	40.628.660.977

(*): Ghi nhận theo phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu (không bao gồm phần thực nhận).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Biến động của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 và 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

	<i>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>
	VNĐ	VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Số dư đầu kỳ	52.687.916.677	8.330.545.610
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong kỳ	107.657.796	37.280.582.935
Số dư cuối kỳ	52.795.574.473	45.611.128.545

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

Biến động của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 và 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

	<i>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>
	VNĐ	VNĐ
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Số dư đầu kỳ	27.152.554.376	43.592.871.995
Phần chi phí thuế thu nhập hoãn lại hoàn nhập vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	(8.232.641.349)	(30.023.228.509)
<i>Thuế từ lợi nhuận trong kỳ của công ty con</i>	<i>(518.129.442)</i>	<i>291.700.444</i>
<i>Thuế từ hoàn nhập dự phòng của công ty liên kết trong kỳ</i>	<i>(7.714.511.907)</i>	<i>(30.314.928.954)</i>
Số dư cuối kỳ	18.919.913.027	13.569.643.486

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 và 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

	<i>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 VNĐ</i>	<i>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 VNĐ</i>
Thuế từ lãi chưa thực hiện của Quỹ Đầu tư Thành viên SSI	(518.129.442)	291.700.444
Thuế hoãn lại phát sinh do hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư vào công ty liên kết cho mục đích hợp nhất	(7.714.511.907)	(30.314.928.954)
Thuế hoãn lại phát sinh do tăng/giảm chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế	(3.107.657.796)	(37.280.582.932)
Thuế hoãn lại phát sinh do tăng chi phí dự phòng Trái phiếu Vinashin	3.000.000.000	-
	<u>(8.340.299.145)</u>	<u>(67.303.811.442)</u>

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013 chuyển sang khấu trừ thuế trong các năm tiếp theo với mức thuế suất áp dụng là 25% của năm 2013.

30. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	<i>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 VNĐ</i>	<i>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 VNĐ</i>
Số dư đầu kỳ	83.699.169.429	76.506.109.799
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong kỳ	-	6.000.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông thiểu số kỳ này	(326.020.164)	53.691.295
Số dư cuối kỳ	<u>83.373.149.265</u>	<u>82.559.801.094</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Quỹ Đầu tư thành viên SSI Công ty TNHH NDH Việt Nam	Công ty con SSI nắm giữ 80% vốn sở hữu Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào công ty TNHH
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư NDH Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào công ty TNHH
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Công ty con SSI nắm giữ 100% vốn sở hữu
Công ty CP Đầu tư Đường Mặt Trời (*)	Công ty nhận vốn đầu tư và Chủ tịch HĐQT là em trai của Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI
Ngân hàng ANZ	Cổ đồng chiến lược
Công ty CP Xuyên Thái Bình	Công ty có đồng chủ tịch Hội đồng quản trị, công ty liên kết
Công ty CP Thủy sản Hùng Vương	Công ty liên kết
Công ty CP Sản xuất - Kinh doanh - Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	Công ty liên kết
Công ty CP Giống cây trồng Trung ương	Công ty liên kết
Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam	Công ty liên kết
Công ty CP Chế biến hàng xuất khẩu Long An	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bibica	Công ty liên kết
Công ty CP Khử trùng Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty CP Kho vận Giao nhận Ngoại thương TP HCM (Transimex-Saigon)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Bến Tre	Công ty con của Công ty CP Xuyên Thái Bình

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời, tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản SSI.